

ĐÁNH GIÁ KHÓ NUỐT THEO GUSS

I. THỬ NGHIỆM GIÁN TIẾP (THỬ NGHIỆM NUỐT NƯỚC BỌT CƠ BẢN):

	Có	Không
Tri giác (tỉnh táo hoàn toàn)	1 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>
Ho và/hoặc làm sạch họng (cho Bệnh nhân (BN) ho hoặc làm sạch họng ít nhất 2 lần)	1 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>
Nuốt nước bọt		
Nuốt được	1 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>
Chảy nước dãi	0 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>
Thay đổi giọng (giọng khàn, nói líu ríu, giọng yếu)	0 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>
SPO₂	%	
Cộng	/ 5	

1 – 4 điểm: khó nuốt nặng (trên lâm sàng).

5 điểm: tiếp tục thử nghiệm trực tiếp.

II. THỬ NGHIỆM TRỰC TIẾP:

Thứ tự các dạng TĂ (Thức ăn)	1 →	2 →	3 →
	Sệt (1)	Lỏng (2)	Rắn (3)
NUỐT			
• Không nuốt được	0 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>
• Nuốt khó (>2 giây), (với TĂ dạng cứng >10 giây).	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>
• Nuốt được	2 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>
HO (trước, trong và sau khi nuốt trong 3 phút)			
• Có	0 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>
• Không	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>
CHẢY NƯỚC DÃI			
• Có	0 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>
• Không	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>
THAY ĐỔI GIỌNG (nghe giọng BN trước và sau khi nuốt – cho bệnh nhân nói “O”)			
• Có	0 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>	0 <input type="checkbox"/>
• Không	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>
Cộng	/ 5	/ 5	/ 5
SPO₂ (%)	%	%	%
Tổng	/ 20		

TĂ: thức ăn; BN: bệnh nhân

DIỄN GIẢI:

(1) Cho BN nuốt 1/3 – ½ muỗng cafe (5ml) TĂ sệt (nước và bánh pudding, cháo sệt).

Nếu không có những triệu chứng khó nuốt thì cho nuốt 5 lần. Đánh giá sau muỗng thứ 5.

≤4 điểm: khó nuốt với TĂ sệt (trên lâm sàng).

5 điểm: tiếp tục với TĂ dạng lỏng.

(2) Nuốt nước với thể tích tăng dần 3ml, 5ml, 10ml và 20 ml.

Nếu không có triệu chứng khó nuốt tiếp tục với thể tích 50ml.

Dừng ngay nếu BN có 1 trong các triệu chứng khó nuốt.

≤4 điểm: khó nuốt với TĂ lỏng (trên lâm sàng).

5 điểm: tiếp tục với TĂ cứng.

(3) Cho BN nhai rồi nuốt bánh mì khô, bánh cookie.

≤4 điểm: khó nuốt với TĂ dạng cứng (trên lâm sàng).

5 điểm: nuốt bình thường.

KẾT QUẢ:

Điểm	Diễn giải	Mức độ khó nuốt	Nguy cơ hít sặc
20	Nuốt được với cả 3 dạng TĂ: sệt, lỏng và dạng cứng.	Không	Rất ít
15 – 19	Nuốt được với cả 2 dạng TĂ: sệt và lỏng khó nuốt với TĂ dạng cứng	Nhẹ	Thấp
10 – 14	Chỉ nuốt được với TĂ sệt, khó nuốt với TĂ lỏng.	Trung bình	Trung bình
0 – 9	Thất bại với thử nghiệm nuốt nước bọt cơ bản và khó nuốt với TĂ dạng sệt.	Nặng	Cao